

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

B n án s : 44/2021/HNG -ST

Ngày: 30-9-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**N C CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**V i thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thanh Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Đoàn Thân;

2. bà Nguyễn Thị Liên.

**Thẩm ký phiên tòa:** bà Lê Thị Thu - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**i di n Viên kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** ông Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai thẩm phán vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-HNG ngày 21 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quy định của vụ án ra xét xử số 41/2021/Q XXST-HNG ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các người:

1. *Nguyên n:* Ch Bùi Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *B n:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong phiên họp ngày 02/6/2021 và trong quá trình ghi quy định vụ án, nguyên n là ch Bùi Thị T trình bày: Ch và anh Nguyễn Văn P từng yêu hôn nhân và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 09/9/1984. Vợ chồng chung sống cùng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan hệ tình dục, anh Phiêu xuyên r u chè và đánh đập ch . Ch T và anh P ã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tháng 3 năm 2021 ch T ã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hà Trung ghi quy định ly hôn nh ng vì

mu n cho anh P có c h i s a ch a nên ch T ã rút n kh i ki n. Tòa án nhân dân huy n Hà Trung ã ra quy t nh ình ch gi i quy t v án dân s s 12/2021/Q ST-HNG ngày 09/4/2021. Tuy nhiên, anh P v n không h thay i, tình c m v ch ng v n không th hàn g n c, xét th y tình c m v ch ng không còn, ch T ã ngh Toà án gi i quy t cho ch c ly hôn anh Nguy n V n P.

V con chung: Ch T khai, v ch ng c04 con chung, các cháu tên là Nguy n V n Q, sinh ngày 16/6/1984, cháu Nguy n V n Th, sinh ngày 02/6/1987, cháu Nguy n V n A, sinh ngày 10/5/1990 và cháu Nguy n V n D, sinh ngày 06/5/1993, hi n c b n cháu Q, Th, A, D ã thành niên nên ch T không yêu c u Tòa án gi i quy t.

V tài s n: Ch Bùi Th T không yêu c u Tòa án gi i quy t.

Toà án ã t ng t h p l , tri u t p anh Nguy n V n P nhi u l n n Toà án vi t b n t khai nh ng anh P không có m t mà không có lý do nên không có b n khai c a anh Phi.

T i phiên tòa, nguyên n gi nguyên yêu c u kh i ki n. Ki m sát viên tham gia phiên tòa phát bi u quan i m: Quá trình nh n n kh i ki n, th lý, gi i quy t, quy t nh a v án ra xét x và t i phiên tòa, Th m phán, H i ng xét x và Th ký ã ch p hành úng theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . ng s ã c th c hi n các quy n c a mình theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . Ch T ã ngh Toà án gi i quy t cho ly hôn v i anh P là phù h p v i quy nh t i i u 56 Lu t hôn nhân và gia ình, ã ngh H i ng xét x ch p nh n yêu c u c a ch T.

### **NH N NH C A TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên c u các tài li u, ch ng c ã c xem xét t i phiên tòa, k t qu tranh t ng t i phiên tòa, H i ng xét x nh n nh:

[1]. V t t ng: Anh Nguy n V n P ã c tri u t p h p l l n th hai n Tòa án tham gia phiên hòa gi i nh ng anh P không có m t mà không có lý do nên Tòa án không t i n hành hoà gi i c v án. Anh P c ng ã c Tòa án tri u t p h p l n l n th hai tham gia phiên tòa nh ng v n không có m t, vì v y H i ng xét x quy t nh xét x v ng m t anh P là phù h p v i quy nh t i kho n 2, i u 227, i u 228 c a B lu t t t ng dân s .

[2]. V hôn nhân: Ch Bùi Th T và anh Nguy n V n P k t hôn trên c s t nguy n, có ng ký k t hôn, nh v y là hôn nhân h p pháp. V ch ng chung s ng hòa thu n, h nh phúc c m t th i gian ng n thì phát sinh mâu thu n. Theo ch T, nguyên nhân mâu thu n là do v ch ng b t ng v quan i m s ng, anh P th ng xuyên r u chè và ánh p, m ng ch i ch đ n n v ch ng s ng ly thân t n m

2016 cho đến nay. Kết quả xác minh ngày 20/8/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hoàng cho thấy, quá trình chung sống của chồng T và anh P xảy ra như sau: do anh P thường xuyên rượu chè, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ vẫn không có kết quả. Như vậy, mối quan hệ chung sống của chồng T và anh P luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Một thời gian dài vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm lẫn nhau, chồng T vì mối quan hệ chung sống của chồng T và anh P đã thất bại trong việc cưới hỏi, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chồng T ly hôn với anh P là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chồng Bùi Thị T khai, vợ chồng có 04 con chung, các cháu tên là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16/6/1984, cháu Nguyễn Văn Th, sinh ngày 02/6/1987, cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 10/5/1990 và cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 06/5/1993, Chồng T cũng xin trình cho Tòa án giải quyết khai sinh các cháu theo họ của các cháu Q, Th, A, D đã thành niên. Nay chồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chồng Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chồng Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chồng Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về án phí: Chồng Bùi Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng có trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chồng T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009383 ngày 21/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chồng T miễn nộp tiền án phí.

3. Về quy định kháng cáo: Chồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án có thể kháng cáo.

Trường hợp bản án có thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hạn thi hành án  
còn lại theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**N i nh n:**

- Công dân;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thi hành vì công việc ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. H I NG XÉT X S TH M**  
**Th m phán - Ch t a phiên tòa**

**Tr nh Thanh H ãng**



